

Bản án số: 1125/2018/DS-PT  
Ngày: 28/11/2018  
Vv Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

*Các Thẩm phán:*

1/ Ông Nguyễn Chí Sang

2/ Bà Nguyễn Đức Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mộng Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 28 tháng 11 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 439/2018/TLPT-DS ngày 07 tháng 9 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 578/2018/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4664/2018/QĐPT ngày 09 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9039/2018/QĐPT ngày 01 tháng 11 năm 2018 , giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim P

Địa chỉ: 211/2A Đường Q, Phường E, quận P, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu T hoặc bà Lê Thanh N – Đại diện theo ủy quyền.

Địa chỉ: 3/9A Đường R, Phường T, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

1. Ông Lê Quốc T

Người đại diện hợp pháp của ông T: Bà Phạm Thị Thanh S – Đại diện theo ủy quyền.

Địa chỉ: 266/10 Khu phố U, phường I, Quận O, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Bà Ngô Thị Kim H

Địa chỉ: 207 Đường Q, Phường E, quận P, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà H: Bà Nguyễn Thanh T – Đại diện theo ủy quyền.

Địa chỉ: xóm P, Xã A, huyện S, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng TMCP P – Chi nhánh Tân Bình

Địa chỉ: 435G Đường Q, Phường D, quận Y, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Lê Đình K – đại diện theo ủy quyền.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Lê Quốc B

4.2. Ông Nguyễn Văn K

4.3. Bà Ngô Thị S

4.4. Bà Lê Thị Ngọc H

4.5. Bà Lê Thị Minh K

4.6. Bà Nguyễn Thị Ngọc M

Cùng địa chỉ: 205/1C Đường Q, Phường E, quận P, Tp. Hồ Chí Minh.

4.7. Ông Nguyễn Văn T

Địa chỉ: 113/15L Đường G, Phường H, Quận K, Tp. Hồ Chí Minh.

*(Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn có mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa).*

### **NHẬN THẤY:**

*Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng của người đại diện hợp pháp nguyên đơn như sau:*

Ngày 18/6/2014, ông Lê Quốc T có vay của bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 1.300.000.000 (một tỷ ba trăm triệu) đồng để làm giấy tờ nhà đất của gia đình. Ngày 27/8/2014, bà P cho ông T vay thêm 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng, nên sau đó ông T và bà P làm hợp đồng vay mới với nội dung ông T có vay của bà P số tiền tổng cộng là 2.100.000.000 (hai tỷ một trăm triệu) đồng

Đến hạn thanh toán, ông T không trả tiền như cam kết mà liên tục tránh mặt. Ngày 18/12/2014, bà Ngô Thị Kim H là vợ ông T đồng ý trả trước cho bà P số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Tại thời điểm này, bà H có xin xóa nợ nhưng bà P không đồng ý. Bà H giữ 01 bản chính giấy vay tiền và đã tự ý viết tay vào dòng chữ “đã xóa nợ” nhằm mục đích gì thì bà P không rõ.

Tại đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Kim P yêu cầu ông Lê Quốc T và vợ là bà Ngô Thị Kim H cùng có trách nhiệm trả cho ông T số tiền 1.100.000.000

(một tỷ một trăm triệu) đồng còn thiếu và tiền lãi tính theo lãi suất của Ngân hàng nhà nước ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xác định lại chỉ yêu cầu ông T và bà H phải cùng có trách nhiệm trả số tiền 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi. Đồng thời, yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì Quyết định thay đổi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 66/TĐADBPKCTT ngày 28/4/2016 để đảm bảo việc thi hành án.

*Tại bản tự khai và lời khai của người đại diện hợp pháp của ông Lê Quốc T trong quá trình tham gia tố tụng như sau:*

Bà Nguyễn Thị Kim P là hàng xóm của vợ chồng ông Lê Quốc T. Vào khoảng tháng 3/2013, ông T có vay của bà P số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 200.000 đồng/ngày. Sau đó, ông T không trả được nợ vì lãi suất quá cao nên phải tiếp tục vay tiền của bà P để trả lãi cho khoản nợ trước. Mỗi lần ông T vay khoảng 10.000.000 đồng, 20.000.000 đồng, lần nhiều nhất là nhận 50.000.000 đồng. Hàng ngày, bà P đến thu tiền lãi tại nhà số 205 Đường Q, Phường E, quận P và có ghi vào sổ tay của bà P. Các lần ông T trả tiền lãi thì có bà Lê Thị Ngọc H, bà Lê Thị Minh K, bà Lê Thị Ngọc M, ông Nguyễn Văn K và ông Lê Quốc B chứng kiến. Số tiền theo giấy nợ đã bao gồm gốc và lãi cộng vào. Cụ thể, tiền gốc và lãi mỗi đợt là bao nhiêu thì ông T không nhớ, không có ai chứng kiến và không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh.

Đến khoảng tháng 06/2014, bà P đưa cho ông T hợp đồng vay ghi số tiền 1.300.000.000 đồng để ông ký tên, không có ai chứng kiến. Bà P giảm 15% lãi suất nên cứ 10.000.000 đồng thì đóng tiền lãi 4.500.000 đồng/tháng. Như vậy với số tiền 1.300.000.000 đồng thì tiền lãi là 21.000.000 đồng/ngày. Sau đó do lãi suất quá cao, cộng dồn các khoản lãi, bà P tính số tiền nợ của ông lên đến 2.100.000.000 đồng. Bà P tiếp tục đưa ông T ký hợp đồng vay số tiền 2.100.000.000 (hai tỷ một trăm triệu) đồng trong lúc ông T đang say rượu. Khi ông T ký tên vào hợp đồng này có bà O, ông D, bà T có mặt trong buổi nhận chứng kiến. Ông T khẳng định ông chỉ vay của bà P số tiền khoảng 650.000.000 đồng tính cả gốc lẫn lãi nên ông không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

*Tại bản tự khai và lời khai của người đại diện hợp pháp bị đơn - bà Ngô Thị Kim H trong quá trình tham gia tố tụng như sau:*

Bà Ngô Thị Kim H không biết việc chồng bà là ông Lê Quốc T vay tiền của bà Nguyễn Thị Kim P. Sau này bà mới biết ông T vay tiền và để dùng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Bà không rõ cụ thể việc vay tiền diễn ra như thế nào, chỉ được biết giấy vay tiền số tiền 2.100.000.000 (hai tỷ một trăm triệu) đồng

vào thời điểm bà trả nợ thay cho ông T. Vào tháng 12/2014, ông T bỏ trốn vì không trả nổi các khoản nợ, bà P đồng ý giảm số nợ xuống còn 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, nếu bà H trả được 1.000.000.000 đồng (một tỷ) đồng thì sẽ xóa nợ. Vì thế bà H đi thế chấp nhà để lấy tiền trả nợ cho ông T số tiền 1.000.000.000 đồng. Khi bà trả nợ có người chứng kiến là bà S và ông K. Ngày hôm sau bà P phát hiện bà H trả thiếu 150.000.000 đồng nên bà H nhờ ông Nguyễn Văn T đem số tiền này đến trả cho bà P. Trả nợ xong, bà P đã trả lại 01 giấy vay tiền cho bà nên bà cho rằng đã trả hết nợ. Bà không biết giấy vay được lập thành 02 bản. Việc bà tự viết tay dòng chữ “đã xóa nợ” là để nói chuyện với ông T khi ông T về nhà. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng đã trả hết nợ theo thỏa thuận.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng TMCP P – Chi nhánh Tân Bình ủy quyền ông Trần Lê Đình K trình bày như sau:*

Ngày 15/12/2014, ông Lê Quốc T và bà Ngô Thị Kim H có ký Hợp đồng tín dụng số 037.14.00525/2014/HĐTD-CN với Ngân hàng TMCP P vay số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 180 tháng, tài sản đảm bảo là căn nhà 205/1C Đường Q, Phường E, quận P, TP. Hồ Chí Minh. Hiện nay, bà H ông T đã thanh toán cho Ngân hàng được 380.000.000 đồng.

Việc tranh chấp giữa Bà P với ông T và bà H cũng như việc kê biên một phần tài sản của Tòa án không ảnh hưởng gì đến hợp đồng tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng không có ý kiến gì. Ông Trần Lê Đình K yêu cầu được vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án.

*Người làm chứng - ông Lê Quốc B trình bày:*

Ông là em ruột của ông T. Ông không quen biết bà P. Ông biết việc ông T vay mượn tiền và ký giấy vay tiền của bà P qua lời kể của ông T chứ không được chứng kiến. Năm 2014 ông cũng từng vay của bà P số tiền 100.000.000 đồng, cứ 1.000.000 đồng thì trả lãi 20.000 đồng/ ngày, không lập giấy vay tiền. Sau đó ông vay thêm 60.000.000 đồng của bà P, không nhớ đã trả cho bà P tổng cộng bao nhiêu tiền.

*Người làm chứng - ông Nguyễn Văn K trình bày:*

Ông là hàng xóm của nguyên đơn và bị đơn. Ông không chứng kiến việc vay tiền của ông T và bà P nhưng có chứng kiến việc cãi vã khi bà P đến nhà ông T đòi nợ, khi đó bà H trả 1.000.000.000 đồng cho bà P. Ông có nghe nội dung là ông T có vay 2.500.000.000 đồng, bà P nói nếu trả hết 1.000.000.000 đồng thì sẽ xóa nợ.

*Người làm chứng - bà Ngô Thị Kim S trình bày:*

Bà là em ruột của bà H. Bà không chứng kiến việc ông T vay tiền của bà P mà chỉ nghe chị gái kể lại. Bà chứng kiến việc ông T trả tiền lãi cho bà P và chứng kiến bà P dẫn người tới nhà ông T bà H đòi nợ, đánh bà H. Bà cũng chứng kiến và tham gia việc bà H trả cho bà P 1.000.000.000 đồng, có ký tên trên giấy trả nợ. Bà chứng kiến việc bà P hứa trả xong 1.000.000.000 đồng sẽ dứt nợ.

*Người làm chứng - bà Lê Thị Minh K trình bày:*

Bà là chị ruột của ông T. Bà không chứng kiến việc ông T vay tiền của bà P mà có chứng kiến việc bà P tới nhà ông T lấy tiền lãi. Sau đó chính bà cũng tìm đến bà P để vay tiền. Bà vay mỗi lần từ 10.000.000 đồng, 20.000.000 đồng, 30.000.000 đồng, cứ 1.000.000 đồng thì chịu tiền lãi 20.000 đồng/ ngày. Việc vay mượn không có giấy tờ. Bà có nghe kể lại việc bà H trả 1.000.000.000 đồng cho bà P.

*Người làm chứng - bà Lê Thị Ngọc M trình bày:*

Bà là chị ruột của ông T và có quen biết bà P. Bà là người giới thiệu và chứng kiến việc vay mượn tiền và lập giấy vay nợ lần đầu tiên giữa ông T và bà P. Bà chứng kiến việc bà P tới nhà ông T lấy tiền lãi mỗi ngày nhưng không biết rõ việc ông T vay bao nhiêu tiền.

*Người làm chứng - bà Lê Thị Ngọc H trình bày:*

Bà là chị ruột của ông T, có quen biết bà P. Bà có chứng kiến việc bà P đưa tiền cho ông T, cụ thể bao nhiêu tiền thì bà không biết. Bà không chứng kiến việc lập giấy vay tiền giữa bà P và ông T. Bà cũng vay của bà P số tiền 200.000.000 đồng, cứ 1.000.000 đồng thì chịu tiền lãi 20.000 đồng/ ngày. Đến nay bà đã trả xong nợ.

*Người làm chứng - ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Ông là em cột chèo của ông T và có quen biết bà P. Ông có chứng kiến việc vay mượn tiền và trả tiền giữa bà H và bà P. Ông chứng kiến việc bà P tới nhà ông T nhận 1.000.000.000 đồng, nhưng không biết rõ việc ông T vay bao nhiêu tiền.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 578/2018/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2018 và Thông báo sửa chữa bổ sung số 32/TB-TA ngày 26 tháng 6 năm 2018; Thông báo sửa chữa bổ sung số 61/TB-TA ngày 08/10/2018 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

*1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim P có bà Phạm Thị Thu T đại diện:*

1.1. Buộc ông Lê Quốc T, bà Ngô Thị Kim H phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu) đồng.

Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự quận P, Tp. Hồ Chí Minh.

1.2. Tiếp tục duy trì Quyết định thay đổi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 66/TĐADBPCKTT ngày 28/4/2016 để đảm bảo thi hành án.

1.3. Giải tỏa số tiền 50.000.000 đồng mà bà Nguyễn Kim P đã thực biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng X – Chi nhánh V ngày 28/3/2016.

## 2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 45.000.000 (Bốn mươi lăm triệu) đồng.

2.2. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 22.500.000 (hai mươi hai triệu năm trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0001444 ngày 11/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P, TP. Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Kim P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Quốc T, bà Ngô Thị Kim H không thi hành số tiền trên thì hàng tháng ông Lê Quốc T, bà Ngô Thị Kim H còn phải chịu tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 31/5/2018, ông Lê Quốc T và bà Ngô Thị Kim H nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn - ông Lê Quốc T trình bày nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên hợp đồng vay tài sản giữa ông T với bà P là vô hiệu do giả tạo, vì :

+ Số tiền trong hợp đồng vay ngày 27/8/2014 không phải là con số thực mà ông vay của bà P, mà do bà P cộng tiền gốc và tiền lãi soạn sẵn, lợi dụng lúc ông T say rượu ký vào.

+ Số tiền thực bao gồm cả gốc và lãi tính đến thời điểm vợ ông T là bà H trả nợ thay cho ông chỉ khoảng 650.000.000 đồng. Nhưng vợ ông T đã chấp

nhận trả cho bà P 1.000.000.000 đồng để bà P xóa nợ cho ông. Vì vậy ông T đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ với bà P.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà H: Mục đích ông T vay tiền là để tiêu xài cá nhân, chứ không phải làm giấy tờ nhà. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bà P thừa nhận ông T là người trực tiếp vay tiền và nhận tiền tại nhà bà P nhưng cấp sơ thẩm buộc hai vợ chồng ông cùng phải có nghĩa vụ trả nợ là không có cơ sở.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phần tranh luận:

- Người đại diện hợp pháp của ông Lê Quốc T tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên hợp đồng vô hiệu. Vì việc ông T ký giấy nợ với bà P số nợ 2.100.000.000 đồng khi ông T nhậu say và nghĩ đơn giản ký để được yên thân mà không nghĩ đến hậu quả. Thực chất ông T chỉ vay số tiền gốc khoảng 650.000.000 đồng và khi bà H vợ ông T trả nợ cho bà P 1.000.000.000 đồng thì bà P đã xóa nợ cho ông T.

Mục đích ông T vay tiền là để tiêu xài cá nhân, chứ không phải làm giấy tờ nhà và không liên quan đến bà H – vợ ông T nên đây là nợ riêng của ông T.

- Người đại diện hợp pháp của bà Ngô Thị Kim H tranh luận:

Đây là khoản nợ riêng của ông T không liên quan đến bà H và khi bà H thay mặt ông T trả cho bà P số tiền 1.000.000.000 đồng thì bà P đã xóa nợ cho ông T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà H, sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà H phải có trách nhiệm cùng với ông T trả nợ cho bà P.

- Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim P tranh luận:

Phía ông T không chứng minh được lời trình bày của phía ông T là có cơ sở. Lời khai của những người làm chứng cũng không chứng minh được như ý kiến trình bày của phía ông T và bà H. Trong khi bà P có bằng chứng chứng minh việc ông T vay của bà P số tiền 2.100.000.000 đồng và bà P đã nhận từ bà H vợ ông T 1.000.000.000 đồng hiện còn 1.100.000.000 đồng.

Việc phía ông T, bà H cho rằng hợp đồng vô hiệu do giả tạo là không đúng, phía bị đơn không có cơ sở chứng minh ông T ký giấy nợ trong tình

trạng say xỉn, chữ ký trong giấy nợ nét rõ ràng. Mục đích vay tiền để tách thửa giấy tờ nhà đất số 205 Đường Q nguồn gốc của cha mẹ ông T để chia cho các con.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T và bà H, giữ y bản án dân sự sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng vắng mặt. Xét thấy, tại cấp sơ thẩm những người làm chứng đã có lời khai, có đơn xin vắng mặt. Do đó, việc những người làm chứng vắng mặt tại cấp phúc thẩm không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự và người làm chứng trên.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của các bị đơn.

[2.1] Căn cứ lời khai của các bên đương sự phù hợp tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định: Ngày 18/6/2014, ông Lê Quốc T ký hợp đồng vay bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 1.300.000.000 đồng ; ngày 27/8/2014 ông T đã ký hợp đồng vay mới nội dung ông T vay của bà P số tiền 2.100.000.000 đồng ; hợp đồng vay ngày 27/8/2014, bao gồm cả hai khoản nợ cũ và mới mà ông T ký vay của P. Cả bà P, ông T và bà H đều xác nhận ngày ngày 18/12/2014 bà Ngô Thi Kim H (vợ ông T) đã trả cho bà P số tiền 1.000.000.000 ( một tỷ) đồng.

[2.2] Phía nguyên đơn – bà P khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông T và vợ là bà H trả cho nguyên đơn khoản nợ gốc còn thiếu là 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu) đồng. Ngược lại phía ông T cho rằng: Tuy ông T có ký hai giấy vay tiền như đã nêu trên với bà P nhưng đây là khoản nợ lãi cộng dồn, thực tế ông T chỉ

vay của bà P số tiền tổng cộng khoảng 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng. Mặt khác, ngày 18/12/2014, khi bà Ngô Thị Kim H là vợ ông T trả cho bà P số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng thì bà P đã xóa nợ cho ông T. Do đó ông T không còn nợ tiền bà P.

[2.3] Xét thấy, việc nguyên đơn cho bị đơn – ông T vay tiền thể hiện qua hai giấy nợ nói trên, có chữ ký và sự thừa nhận của bị đơn – ông T. Nên đây là chứng cứ trực tiếp xác định trách nhiệm và nghĩa vụ trả nợ của bị đơn. Việc bị đơn – ông T cho rằng thực tế ông chỉ vay của bà P khoảng 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng và khi bà H vợ ông T trả cho bà P số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng thì bà P đã xóa nợ cho ông. Tuy nhiên, lời khai này của bị đơn không được phía nguyên đơn thừa nhận. Bị đơn cũng không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình là có cơ sở. Lời khai của người đại diện hợp pháp bà H (vợ ông T tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm cũng xác nhận chữ viết “Tôi đã đồng ý xóa hết số nợ” trong hợp đồng vay tiền ngày 27/8/2014 là do bà H viết, không phải bà P viết và tài liệu này do phía bị đơn xuất trình. Về phía nguyên đơn, khi nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn lại, nguyên đơn vẫn còn giữ bản chính hợp đồng vay tiền ngày 27/8/2014 và trong tài liệu này không thể hiện có việc bà P đã xóa nợ cho ông T. Do đó, lời khai của người đại diện hợp pháp của ông T cho rằng bị đơn không còn nợ nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà H cho rằng đây là nợ riêng của ông T, không liên quan đến bà. Xét thấy, theo lời khai của ông T và bà H phù hợp với «Trích lục kết hôn» ngày 15/11/2018 của UBND Phường E, quận P thể hiện ông T và bà H là vợ chồng, đăng ký kết ngày 03/7/1997 tại UBND Phường E, quận P. Tuy bà H không trực tiếp ký giấy vay tiền với bà P nhưng trong các hợp đồng vay tiền đều ghi « Mục đích vay tiền làm giấy tờ nhà ». Mặt khác, ngày 18/12/2014, bà Ngô Thị Kim H đã trực tiếp trả cho bà P số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Tại thời điểm này bà H còn xin bà P xóa nợ nhưng bà P không đồng ý. Do đó, ý kiến của phía bà H cho rằng mục đích ông T vay tiền để tiêu xài cá nhân nên đây là nợ riêng của ông T là không có cơ sở chấp nhận. Án sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía ông T và bà H cũng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông bà là có căn cứ. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, có cơ sở chấp nhận đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

[2.5] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên cần tiếp tục duy trì Quyết định thay đổi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 66/TĐADBPKCTT ngày 28/4/2016 để đảm bảo thi hành án. Đồng thời, giải tỏa số tiền 50.000.000 đồng mà bà P đã thực hiện biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng X – Chi nhánh V ngày 28/3/2016 ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[2.6] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện viện kiểm sát nhân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích nội dung vụ việc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ý kiến phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của các bị đơn không được chấp nhận, căn cứ Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; các bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147, Điều 148, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Quốc T và bà Ngô Thị Kim H.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 578/2018/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2018 và Thông báo sửa chữa bổ sung số 32/TB-TA ngày 26 tháng 6 năm 2018; Thông báo sửa chữa bổ sung số 61/TB-TA ngày 08/10/2018 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Kim P.

2.1.1. Buộc ông Lê Quốc T, bà Ngô Thị Kim H phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2.1.2. Tiếp tục duy trì Quyết định thay đổi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 66/TĐADBPKCTT ngày 28/4/2016 cho đến khi thi hành xong thì hủy bỏ.

2.1.3. Giải tỏa số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng mà bà Nguyễn Thị Kim P đã thực hiện biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng X – Chi nhánh V ngày 28/3/2016 ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2.1.4. Về án phí sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 22.500.000 (hai mươi hai triệu năm trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0001444 ngày 11/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P, TP. Hồ Chí Minh.

2.1.5. Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Kim P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Quốc T, bà Ngô Thị Kim H không thi hành số tiền trên thì hàng tháng ông Lê Quốc T, bà Ngô Thị Kim H còn phải chịu tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Quốc T, bà Ngô Thị Kim H phải nộp án phí dân sự phúc thẩm mỗi người là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo ông T, bà H đã nộp theo biên lai thu số AC/2012/09799 và biên lai thu số AC/2012/09800 ngày 04/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận P. Sau khi căn trừ ông T, bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND quận P ;
- Chi cục THADS quận P;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Hoa**